

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/11/2019

V/v “ Tranh chấp ly hôn ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa:

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2019/ QĐST- DS ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Hồng L, (Ánh H) sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp TL, xã TT, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

2/. Bị đơn : Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp TL, xã TT, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng L trình bày:

Chị L và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau vào ngày 16 tháng 3 năm 1996, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11 tháng 7 năm 2004, số: 60 quyền số: 01/2004. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 12 tháng, mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B thường xuyên ăn nhậu, không chí thú làm ăn, anh B còn đánh chị, và không có trách nhiệm với vợ con. Chị L có khuyên nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm với nhau trong cuộc sống có lối sống không phù hợp. Chị L xét

thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị L và anh B ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển B thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Và cháu Nguyễn Thị Diệu A, sinh ngày 09/7/2012 chị L yêu cầu được nuôi cháu Diệu A, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con tên Nguyễn Thị Diệu A, sinh ngày 09/7/2012 không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển B thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 9 năm 2019 bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Qua lời trình bày của chị L về năm chung sống, vợ chồng có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng không tạo dựng được tài sản chung. Không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn anh B cho rằng: Do anh và chị L bất đồng quan điểm trong cuộc sống có lối sống không phù hợp. Vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

Tại Tòa án anh B có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B không đồng ý ly hôn với chị L gì anh còn thương vợ.

Về con chung: Anh B đồng ý giao con tên Nguyễn Thị Diệu A, sinh ngày 09/7/2012 cho chị L nuôi dưỡng anh B không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển B thường không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi ý kiến và nguyện vọng của bé Nguyễn Thị Diệu A ngày 09/9/2019 thì bé Diệu A có nguyện vọng ở với chị Ngô Thị Hồng L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn B đang cư trú tại, Tổ 07, ấp TL, xã TT, huyện TH, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11 tháng 7 năm 2004, số: 60 quyền số: 01/2004 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị L thấy rằng sau khi kết hôn, chị L và anh B chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B thường xuyên ăn nhậu, không chí thú làm ăn, anh B còn đánh chị và không có trách nhiệm với vợ con từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị L đã nhiều lần làm đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án Tân Hiệp để yêu cầu giải quyết, nhưng mỗi lần Tòa án tiến hành mời anh B lên giải quyết thì anh B năn nỉ và làm cam kết và hứa sẽ khắc phục khuyết điểm của mình vì thương con nên chị L đã rút đơn và quay về đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng anh B vẫn không thay đổi vẫn tính nết nào tạt nẩy từ đó làm cho tình cảm vợ chồng không còn mặn mà mục đích hôn nhân không đạt được mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị L và anh B đã ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...”. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Xét yêu cầu không đồng ý ly hôn của anh B Hội đồng xét xử xét thấy trước đây chị L đã nhiều lần tạo cơ hội cho anh sửa sai để quay về cuộc sống vợ chồng và nuôi dạy con chung, nhưng anh B vẫn không thay đổi, mà tính nết nào tạt nẩy. Từ đó làm cho chị L mất lòng tin vào tình nghĩa vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải động viên chị L trở về đoàn tụ, tiếp tục cuộc sống hôn nhân và nuôi dạy con chung, nhưng chị L không đồng ý mà cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị L và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn....”. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin được đoàn tụ của anh B.

[4] Về con chung: Chị L, anh B xác nhận vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển B thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Và cháu Nguyễn Thị Diệu A, sinh ngày 09/7/2012 hiện nay đang ở với chị L, chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/9/2019 chị L và anh B thỏa thuận anh B đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Diệu A, sinh ngày 09/7/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản ghi ý kiến và nguyện vọng ngày 09/9/2019 thì cháu Diệu A có nguyện vọng ở với chị L. Nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L, anh B và nguyện vọng của cháu Diệu A. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Diệu A, sinh ngày 09/7/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con anh B chị L không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Hồng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Hồng L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.
3. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Diệu A, sinh ngày 09/7/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển B thường không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con anh B chị L không yêu cầu Hội đồng xét xử

không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Hồng L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:0003504 ngày 01/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Hồng L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ